

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06-6-2018

"V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM,
TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Mẫn**.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Hồng**.

Ông **Nguyễn Văn Móm Em**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** bà **Trần Thị Mỹ Hạnh** – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 674/2017/TLST- HNGĐ ngày 16/11/2017 về “tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** chị **Phan Thị Mỹ T** - sinh năm: 1991; (có mặt)

- ***Bị đơn:*** anh **Nguyễn Văn M** - sinh năm: 1990; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện ngày 13/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Phan Thị Mỹ T** trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết, tự nguyện tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình chị T và anh **Nguyễn Văn M** đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới ngày 24/6/2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 28/3/2016. Sau ngày cưới vợ chồng anh chị sống bên gia đình cha mẹ ruột của chị **Tuyên** tại ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chị sống hòa thuận hạnh phúc nhưng đến ngày 20/11/2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, tính

tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh M không lo làm ăn chỉ lo ăn chơi, mê cờ bạc. Đến ngày 09/2/2017, anh M bỏ lên thành phố Hồ Chí Minh đi làm. Vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 2/2017 đến nay.

Nay chị T nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và hàn gắn được. Nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: có 01 người con chung tên: Nguyễn Trọng P, sinh ngày 11/3/2016, hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng P, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: chị T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm niêm yết và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh M vẫn cố tình vắng mặt không lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ T. Chị Phan Thị Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: chị T và anh M có một người con chung: Nguyễn Trọng P, sinh ngày 11/3/2016. Giao cháu Nguyễn Trọng P cho chị T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng: chị T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Phan Thị Mỹ T phải nộp án phí sơ thẩm về hôn

nhân gia đình số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Anh Nguyễn Văn M không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Hôn nhân giữa chị T và anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp do quen biết, anh chị tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo lời trình bày của chị T thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến ngày 20/11/2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã do anh M không lo làm ăn mà lo ăn chơi, mê cờ bạc, anh M bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh làm việc từ tháng 02/2017. Chị T và anh M đã không còn sống chung từ tháng 02/2017 đến nay.

Xét tình cảm chị T dành cho anh M không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh M là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung của vợ chồng: chị T và anh M có một người con chung tên: Nguyễn Trọng P, sinh ngày 11/3/2016. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng P. Xét yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Tuyên không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung của vợ chồng: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Phan Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015); Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Mỹ T.

- **Về mối quan hệ hôn nhân:** chị Phan Thị Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: chị Phan Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn M có một người con chung tên: Nguyễn Trọng P, sinh ngày 11/3/2016. Giao cháu Nguyễn Trọng P cho chị Phan Thị Mỹ T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: chị Phan Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- Về nợ phải thu, phải trả: chị Phan Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Phan Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008466, ngày 16/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Phan Thị Mỹ T không phải nộp thêm.

Anh Nguyễn Văn M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng

mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét phúc thẩm lại./.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Vũng Liêm;*
- *THADS huyện Vũng Liêm;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Mẫn